

Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực viễn thông công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Solutions to improve the efficiency of state management for enterprises in the field of telecommunications and information technology in Binh Duong province

Lê Hồng Phong¹, Nguyễn Thanh Trọng²

¹Cơ quan công tác: Trung Tâm Kinh Doanh VNPT Bình Dương

²Trường Đại học Bình Dương

Tác giả liên hệ: Lê Hồng Phong, E-mail: hongphong143@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu thực trạng công tác quản lý nhà nước về ứng dụng viễn thông công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương; qua đó, đề xuất các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua chia công tác Quản lý nhà nước về công nghệ thông tin ra thành các mảng nhỏ để nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển viễn thông công nghệ thông tin, chúng ta cần tiếp tục đổi mới và tăng cường củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý; nâng cao nhận thức về vai trò của ứng dụng viễn thông công nghệ thông tin; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phát triển ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về viễn thông công nghệ thông tin, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về ứng dụng viễn thông công nghệ thông tin.

Từ khóa: công nghệ thông tin; doanh nghiệp; quản lý nhà nước; tỉnh Bình Dương; viễn thông.

Abstract: This article studies the current state of state management of telecommunications and information technology applications in the activities of state agencies in Binh Duong province; Thereby, proposing solutions to overcome the shortcomings and limitations in order to perfect the state management of information technology application in the activities of state agencies in Binh Duong province. Using qualitative research methods through dividing the state management of information technology into small areas for research. Research results show that in order to meet the increasing requirements of the development of telecommunications and information technology, we need to continue to innovate and strengthen, consolidate and perfect the management apparatus; raising awareness about the role of telecommunications and information technology applications; perfecting the system of legal documents, mechanisms and policies related to information technology application development; strengthen the training of staff specialized in

telecommunications and information technology, and the contingent of state management staff in telecommunications and information technology applications.

Keywords: Binh Duong province; enterprise; information technology; Telecommunications; State management.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam hiện nay, viễn thông công nghệ thông tin (CNTT) đang là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác, CNTT đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây mạnh ứng dụng và phát triển CNTT nhằm thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và công nghiệp hoá các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả quá trình chủ động hội nhập kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

Để CNTT là động lực cho sự phát triển của toàn xã hội và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước hướng tới Chính phủ điện tử, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực viễn thông CNTT nói chung, ứng dụng và phát triển CNTT nói riêng giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Ngay từ khi nước ta bước vào thời kỳ đổi mới quan điểm của Đảng về ứng dụng và phát triển CNTT được thể hiện bằng Chỉ thị số 58/CT-TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tại tỉnh Bình Dương, công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực viễn thông CNTT nhất là ứng dụng viễn thông CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong thời gian qua đã được chú trọng và nâng cao năng lực quản lý, song vẫn còn nhiều hạn chế, mặt bằng CNTT hiện nay vẫn ở trình độ thấp, phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, tụt hậu so với nhiều địa phương khác. Các kế hoạch, đề án ứng dụng CNTT đã được xây dựng và phê duyệt nhưng trong quá trình triển khai còn gặp nhiều vướng mắc, thiếu các quy chế, quy định về quản lý, vận hành và hướng dẫn sử dụng hạ tầng CNTT, các chế độ, chính sách về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước chưa đi vào cuộc sống. Do vậy, công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực CNTT nói chung và ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nói riêng đang là vấn đề cần quan tâm, đòi hỏi phải có những 3 công trình nghiên cứu về lĩnh vực này, cả dưới góc độ lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ những thực trạng trên tác giả lựa chọn đề tài **“Giải pháp nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực viễn thông công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Dương”** để làm nội dung nghiên cứu cho bài viết.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung: Phân tích thực trạng công tác quản lý nhà nước về ứng dụng viễn thông CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương; qua đó, đề xuất các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương.

Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: Hệ thống hoá các cơ sở lý luận, quan điểm và các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực CNTT nói chung và ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nói riêng.
- Mục tiêu 2: Tìm hiểu, phân tích đánh giá thực trạng công tác QLNN về ứng dụng viễn thông CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương từ năm 2016 đến 2020, phân tích đánh giá những mặt tích cực, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó.
- Mục tiêu 3: Đề ra các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được sử dụng để phân tích trong bài viết được thu thập từ Thông tin công bố, Đề án, Quy hoạch, tư liệu của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Sở Thông tin và truyền thông và các đơn vị có liên quan, các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế có liên quan đến đề tài đã được công bố.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định tính: Nghiên cứu các giáo trình, tài liệu, các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến vấn đề Quản lý nhà nước về lĩnh vực Công nghệ thông tin, ứng dụng Công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cùng với đó là các quan điểm của Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin ở nước ta. Từ đó khái quát và hệ thống lại các cơ sở lý luận của Quản lý nhà nước đối với lĩnh vực Công nghệ thông tin tại tỉnh Bình Dương.

Phương pháp diễn dịch trong suy luận thống kê: Phân tích những thành công và hạn chế cùng với các nguyên nhân của quá trình này trong từng điều kiện cụ thể ở Bình Dương, có so sánh với các địa phương khác trong cả nước.

Phương pháp phân tích, so sánh: Nhằm phân tích sự biến động của thứ tự xếp hạng về mức độ ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh Bình Dương từng năm từ năm 2016 đến 2020.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng phát triển của lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin tại Bình Dương

3.1.1. Tổng thể mức độ ứng dụng viễn thông CNTT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua các năm 2016-2020

Giai đoạn 2016-2020, tuy đã có những nỗ lực trong việc quản lý và triển khai các hoạt động ứng dụng viễn thông CNTT nhưng mức độ ứng dụng viễn thông CNTT tại tỉnh Bình Dương nhìn chung còn thấp so với các tỉnh, thành

phổ trong cả nước nói chung và các tỉnh lân cận.

Bảng 1. Xếp hạng tổng thể mức độ ứng dụng viễn thông CNTT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua các năm 2016-2020

STT	Tỉnh/TP	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Đà Nẵng	3	2	1	1	1
2	TpHCM	5	4	7	3	10
3	Hà Nội	10	11	18	3	3
4	Bình Dương	20	19	21	23	25
5	Đắk Nông	44	42	45	35	45

Nguồn: Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Bình Dương (2022)

3.1.2. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông công nghệ thông tin

Hiện nay, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các Đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy đều có mạng máy tính nội bộ; các Đảng ủy Công an, Quân sự, Biên phòng mỗi đơn vị có 2 bộ máy tính, 2 máy in và modem kết nối qua đường điện thoại; 41 đảng ủy xã, phường, thị trấn, mỗi đơn vị có 1 bộ máy tính, 1 máy in và modem kết nối qua đường điện thoại. Tổng số thiết bị đã trang bị là: 37 máy chủ, 246 máy trạm, 10 hệ thống chống sét lan truyền và đầy đủ các thiết bị phụ trợ như: Firewall, router, hub-switch, máy quét, máy in, ổ cứng sao lưu dữ liệu...; riêng Văn phòng Tỉnh ủy được trang bị thêm 1 IPS và 1 máy chiếu.

Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy có tổng số 290 máy trạm hoạt động tương đối ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng phục vụ nhiệm vụ chuyên môn. Ngoài ra, hầu hết mỗi cơ

quan đều có từ 3 đến 10 máy tính kết nối internet, tách biệt với mạng máy tính nội bộ của cơ quan.

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 30/31 đơn vị được kết nối mạng nội bộ LAN; có khoảng 108 máy chủ, trong đó cấp tỉnh 68 máy chủ, cấp huyện 40. Máy tính PC tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có khoảng 3.232 máy, số máy tính kết nối internet đạt khoảng 98%, hầu hết cấu hình máy tính ở mức độ trung bình. Tỷ lệ trung bình máy tính trên cán bộ, công chức cấp tỉnh ước đạt 86,5%; ở cấp huyện ước đạt 65,6%; cấp xã ước đạt 48%.

Đối với các đơn vị giáo dục, đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã thay thế hệ thống 03 serverweb, firewall mới, mạnh chạy các và cơ sở dữ liệu nhân sự Cán bộ, giáo viên và nhân viên (PMIS) đặt tại Sở Giáo dục và Đào tạo. Các đơn vị trực thuộc (các trường Trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, các trường thực hành sư phạm, trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học) đều có máy tính kết nối mạng LAN giữa các bộ phận và kết nối Internet phục vụ công tác quản

lý. Hầu hết các đơn vị có phòng máy tính kết nối mạng LAN và với Internet phục vụ việc học tập của học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo ký kết hợp tác với Viettel (trên cơ sở hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổng công ty Viettel) kết nối cáp quang miễn phí đến tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Hiện nay tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đều có kết nối Internet. Tuy

nhiên đa số hệ thống máy vi tính ở các trường trung học phổ thông được đầu tư từ năm 2010 đến nay đã lạc hậu dẫn đến việc dạy môn Tin học và sử dụng phòng máy vi tính để dạy các môn khoa học khác gặp nhiều khó khăn. Nhiều trường Tiểu học và Trung học cơ sở chưa có phòng máy vi tính nên không triển khai dạy học môn Tin học được.

Bảng 2. Xếp hạng hạ tầng kỹ thuật CNTT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua các năm 2016-2020

STT	Tỉnh/TP	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Đà Nẵng	4	5	6	9	13
2	TpHCM	11	13	10	11	16
3	Hà Nội	24	25	5	7	9
4	Bình Dương	30	32	33	35	30
5	Đắk Nông	54	51	55	46	55

Nguồn: Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Bình Dương (2022)

3.2 .Thực trạng quản lý nhà nước lĩnh vực viễn thông, Công nghệ thông tin

3.2.1. Công tác xây dựng chính sách, quy chế, quy định về quản lý công nghệ thông tin

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; thời gian qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều văn bản quy định, chỉ đạo làm cơ sở pháp lý trong việc tổ chức thực hiện công tác ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh đó là: Quyết định số 1640-QĐ/TU ngày 24-5-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ mạng thông tin điện rộng; Quy định số 378-QĐ/TU ngày 25-7-2016 về việc gửi, nhận văn bản trên

mạng thông tin điện rộng của Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 85-CTr/TU, ngày 10-09-2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Chỉ thị 03/2016/CT-UBND ngày 13/5/2016 của UBND Tỉnh Bình Dương về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Công văn số 1227/UBND ngày 06/7/2017 về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh.”

Bên cạnh đó Sở Thông tin và Truyền thông Bình Dương đã tham mưu, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các quy định về quản lý, vận hành,

khai thác các hệ thống ứng dụng CNTT của tỉnh như: Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 về việc quy định về quản lý sử dụng hệ thống thư điện tử trong các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Việc xây dựng chính sách, quy chế, quy định về quản lý ứng dụng CNTT của tỉnh Bình Dương có những thành

tựu cơ bản. Chương trình số 74-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị là một chủ trương đúng đắn, kịp thời nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT trên địa bàn Tỉnh trong thời gian tới. Cùng với đó việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh là cần thiết nhằm tăng cường đảm bảo công tác an toàn thông tin mạng, sẵn sàng chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin.

Bảng 3. Xếp hạng cơ chế chính sách và các quy định cho ứng dụng viễn thông CNTT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua các năm 2016 - 2020

STT	Tỉnh/TP	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Đà Nẵng	2	3	2	6	6
2	TpHCM	16	33	11	24	22
3	Hà Nội	10	41	8	5	6
4	Bình Dương	40	48	50	54	45
5	Đắk Nông	50	52	43	45	47

Nguồn: Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Bình Dương (2022)

Tuy nhiên việc xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về quản lý CNTT của tỉnh Bình Dương hiện nay còn chưa đầy đủ, chưa có nhiều cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy, khuyến khích ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, thành phố cũng như thu hút các doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT. Ngoài ra vẫn chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hay các quy định về phát triển nguồn nhân lực về CNTT.

3.2.2. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, đề án về ứng dụng công nghệ thông tin

Xác định công tác quy hoạch có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT nói riêng, Sở TT&TT tỉnh Bình Dương đã tham mưu, xây dựng Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến năm 2025 và được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 20/01/2017. Mục tiêu tổng quát của quy

hoạch là việc ứng dụng CNTT rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng và đối ngoại; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT tại các cơ quan Đảng và Nhà nước theo hướng hiện đại hóa và hoàn thiện về số lượng, chất lượng; thực hiện cung cấp các dịch vụ công cho người dân với chất lượng và hiệu quả cao; đào tạo được đội ngũ cán bộ về CNTT đủ các trình độ để phục vụ cho ứng dụng và phát triển CNTT trong mọi thành phần kinh tế xã hội của tỉnh. Đối với công nghiệp CNTT, do Bình Dương tập trung điều kiện về nguồn nhân lực, mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo công nghệ thông tin tại các cơ sở đào tạo công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin từ các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; khuyến khích, ưu đãi đầu tư và hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp CNTT, để tạo động lực phát triển công nghiệp CNTT giai đoạn 2016-2020 trở thành một ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực phát triển xã hội. Việc xây dựng quy hoạch thực sự là cơ sở pháp lý và là định hướng quan trọng trong phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

Để đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN, năm 2019, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương năm 2019 số 363/KH-UBND ngày 15/4/2019. Kế hoạch hướng đến mục tiêu hoàn thiện cổng thông tin điện tử

với việc tích hợp các Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị và cung cấp thông tin dịch vụ công trực tuyến; tăng cường sử dụng thư điện tử, khai thác thông tin trên môi trường mạng để phục vụ công việc; triển khai và sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản, cơ bản hình thành chính phủ điện tử tại địa phương.

Cũng trong năm 2019, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2019 của Chính phủ và Chương trình 74- CTTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế tại tỉnh Bình Dương. Kế hoạch hành động này tập trung vào mục tiêu cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ đã đề ra trong Chương trình hành động tại Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và xây dựng các giải pháp triển khai phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Bình Dương, góp phần đưa CNTT thực sự trở thành động lực phát triển trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, gắn với công tác đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng Chính quyền điện tử, tạo tiền đề cho tỉnh phát triển nhanh, bền vững trong những năm đến.

Nhìn chung công tác xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh Bình

Dương đã được Sở Thông tin và Truyền thông quan tâm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển CNTT 5 năm và hàng năm của tỉnh cũng đã bám sát vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển CNTT của Chính phủ.

3.2.3. Thực trạng quản lý, vận hành, hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin

Trong giai đoạn 2016-2020, Trung tâm CNTT và Truyền thông đã đảm bảo việc quản trị, vận hành và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh thông suốt 24h/ngày và 7 ngày/tuần, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thông tin cũng như tính chính xác, kịp thời của các thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Cổng thông tin điện tử đã tích hợp hầu hết các dịch vụ công trực tuyến từ các cơ quan, đơn vị ở mức độ 2; Cổng thông tin điện tử tỉnh phát huy tốt hiệu quả, chuyển tải hầu hết các thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về các lĩnh vực kinh tế-xã hội của tỉnh. Cung cấp lên nhiều loại chuyên mục thông tin với hàng ngàn trang văn bản, số liệu, hình ảnh... trên tất cả các lĩnh vực vừa phục vụ nhu cầu khai thác thông tin, vừa phục vụ công tác tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương; đồng thời giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất và người tỉnh Kon Tum ra bên ngoài. Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã cung cấp toàn bộ hệ thống thủ tục hành chính của tỉnh

và một số dịch vụ công trọng tâm của các sở, ngành.

Trong những năm vừa qua Trung tâm phối hợp với phòng CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông triển khai và hướng dẫn cũng như hỗ trợ các đơn vị trong việc vận hành các hệ thống ứng dụng CNTT. Toàn tỉnh có 100% đơn vị được cài đặt, hỗ trợ, hướng dẫn và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử và điều hành-eOffice, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều đã sử dụng thành thạo phần mềm. Đến nay, trên toàn tỉnh có 30/31 đơn vị có trang thông tin điện tử và đã liên kết vào Cổng thông tin điện tử. Các trang thông tin điện tử của các đơn vị, tình hình cập nhật, cung cấp thông tin có những chuyển biến tích cực so với thời gian trước. Các trang thông tin điện tử của các đơn vị đều đã cung cấp thủ tục hành chính ở mức độ 2; có 02 đơn vị cung cấp 02 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, cụ thể: Cấp giấy phép kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư); Đổi giấy phép lái xe (Sở Giao thông - Vận tải). Đối với phần mềm một cửa điện tử Tỉnh Bình Dương chỉ mới triển khai thí điểm tại một vài huyện, cụ thể là TP. Thủ Dầu Một. Việc triển khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của TP. Thủ Dầu Một thực hiện hiệu quả, đa số cán bộ đã làm quen được phần mềm và cập nhật được dữ liệu vào hệ thống phục vụ cho công tác chuyên môn, thực hiện.

Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông-Sở Thông tin và Truyền thông đang chịu

trách nhiệm vận hành hệ thống CNTT của tỉnh, hosting các trang thông tin điện tử thành phần của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Ngoài ra tỉnh Bình Dương cũng chưa có hệ thống thư điện tử riêng và đang sử dụng 113 tài khoản thư điện tử công vụ của Chính phủ do Văn phòng Chính phủ cấp cho các đơn vị và lãnh đạo đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đến nay tỷ lệ các đơn vị sử dụng hộp thư điện tử công vụ đạt khoảng 63%. Cùng với đó Trung tâm đã phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp Máy tính Việt Nam đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông thường xuyên kiểm tra, rà soát các lỗ hổng bảo mật của Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử thành phần và các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước tỉnh góp phần đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin cho hoạt động ứng dụng CNTT.

3.2.4. Thực trạng quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Bảng 4. Tình hình đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị từ năm 2016 - 2020

Tổ chức đào tạo	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Số lớp đào tạo	4	10	5	2	10
Số cán bộ được đào tạo	180	210	125	40	360

Nguồn: Thông tin và truyền thông tỉnh Bình Dương (2022)

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước lĩnh vực viễn thông, CNTT tại Bình Dương

3.3.1. Nhân tố khách quan

- Môi trường pháp luật: Viễn thông CNTT là lĩnh vực thay đổi nhanh chóng,

Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực CNTT giữ vị trí rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh, đây là đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp quản lý, chỉ đạo và điều hành toàn bộ hoạt động ứng dụng CNTT của tỉnh. Hiện nay trên địa bàn tỉnh, 100% các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách CNTT trực tiếp chỉ đạo và triển khai hoạt động ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị; 100% các đơn vị đã phân công cán bộ phụ trách CNTT. Qua đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ phụ trách công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành tại các đơn vị đạt được những bước chuyển biến tích cực, từ khâu tổ chức lập kế hoạch đến việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin.

từ đó các văn bản quy phạm pháp luật cần phải thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp. Ngoài ra, xu hướng tích hợp công nghệ giữa viễn thông - công nghệ thông tin ngày càng cao, dẫn đến khoảng cách phân biệt giữa lĩnh vực viễn thông và lĩnh vực công nghệ thông

tin ngày càng hẹp, đây là một trong những nguyên nhân làm cho công tác quản lý ngày càng khó khăn.

- Một số nhân tố khách quan khác: Trình độ dân trí của người dân vẫn còn thấp, thói quen ứng dụng viễn thông CNTT phục vụ tra cứu thông tin, đăng ký, thực hiện các thủ tục hành chính qua môi trường mạng của người dân vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nhận thức về tầm quan trọng khi tham gia thương mại điện tử của các doanh nghiệp chưa cao.

3.3.2. Nhân tố chủ quan

- Tổ chức bộ máy: Thiếu sự phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông với Sở Nội vụ để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn để các huyện, thành phố thành lập các Trung tâm CNTT và hướng dẫn các Sở, Ban, ngành tuyển dụng cán bộ chuyên trách về viễn thông CNTT. Sự phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để cùng thúc đẩy mục tiêu phát triển viễn thông CNTT phục vụ lợi ích chung của tỉnh chưa được chặt chẽ. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông chỉ được giao 03 biên chế (trong đó 01 Lãnh đạo, 01 Kế toán và 01 Kỹ sư CNTT) nên không đủ nguồn nhân lực tiếp nhận và vận hành các ứng dụng dùng chung. Phòng thanh tra của Sở Thông tin và Truyền thông chỉ có 02 biên chế: 01 chánh thanh tra và 01 phó chánh thanh tra nên không đủ nhân lực triển khai đầy đủ việc thực

hiện các quy định về chuyên ngành công nghệ thông tin.

- Từ nguồn kinh phí và cơ sở hạ tầng: Nguồn lực, kinh phí dành cho công tác triển khai ứng dụng và phát triển CNTT vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển, chưa theo kịp với sự phát triển CNTT trong và ngoài tỉnh. Hệ thống hạ tầng CNTT vừa thiếu, vừa yếu, chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Đối với các cơ quan do hạ tầng kỹ thuật được trang bị từ lâu, đến nay đã hết khấu hao, nhiều thiết bị đã lạc hậu, hư hỏng, kinh phí sửa chữa, thay thế lớn, nhất là hệ thống máy chủ và thiết bị mạng chuyên dụng không được đầu tư tương xứng; kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan chỉ đủ để mua bổ sung thêm một số máy trạm và sửa chữa, nâng cấp máy chủ, thiết bị mạng ở mức độ tối cần thiết để duy trì hoạt động của mạng nội bộ. Hạ tầng viễn thông CNTT trong lĩnh vực y tế cũng xuống cấp, chỉ đảm bảo đáp ứng tối thiểu cho ứng dụng viễn thông CNTT trong hoạt động của Văn phòng.

- Từ năng lực, trách nhiệm của cán bộ Quản lý và chuyên trách viễn thông CNTT: Trình độ và năng lực của đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông còn yếu và thiếu kinh nghiệm thực tế, đôi khi thiếu trách nhiệm. Một số lãnh đạo đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa quán triệt nghiêm túc, chỉ đạo việc thực hiện văn bản điện tử, sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin, phục vụ công tác; chỉ đạo,

điều hành qua phần mềm E-office chưa thực hiện thường xuyên. Không ít cán bộ, công chức cơ sở chưa nắm vững chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao cũng như các quy định của pháp luật. Vì vậy, quá trình chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc trong thực tiễn nhiều khi còn mang tính chủ quan, tùy tiện theo cảm tính cá nhân. Số lượng, trình độ các cán bộ chuyên trách về CNTT nhiều đơn vị còn hạn chế, nhất là cấp cơ sở; chưa có biên chế cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

4. Kết luận và đề xuất giải pháp

4.1. Kết luận

Ngày nay không chỉ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc mà còn là một kênh hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển của đơn vị mình. Chính phủ cũng xem việc ứng dụng viễn thông công nghệ thông tin và truyền thông là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy cải cách hành chính từ Trung ương đến các địa phương, vào từng công đoạn trong công việc hành chính hàng ngày của mỗi một cán bộ, công chức tại cơ quan hành chính, góp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tác nghiệp của cơ quan, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công dân, tổ chức và là tiền đề quan trọng để tiến đến chính quyền điện tử. Với vai trò to lớn như vậy, việc xác định đúng phương hướng phát triển cho ngành sẽ tạo nên động lực thúc đẩy cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế mà trong đó công tác quản lý nhà nước về viễn thông CNTT đóng một vai trò quan trọng

mang tính chất chiến lược và quyết định.”

Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển viễn thông CNTT, chúng ta cần tiếp tục đổi mới và tăng cường củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý; nâng cao nhận thức về vai trò của ứng dụng viễn thông CNTT; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phát triển ứng dụng CNTT; tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về viễn thông CNTT, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về ứng dụng viễn thông CNTT và quản lý khắc phục các hạn chế đang còn tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông CNTT.

Việc nghiên cứu thực tế công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực viễn thông CNTT tại tỉnh Bình Dương, xem xét các tồn tại để từ đó đưa ra các khuyến nghị, khắc phục tồn tại nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản lý từ đó làm cơ sở cho sự phát triển của ứng dụng viễn thông CNTT, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Những khuyến nghị nêu lên trong Luận văn này, mặc dù chỉ là khuyến nghị ban đầu cần hoàn thiện hơn, tuy nhiên, nếu thực hiện tốt thì công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực viễn thông CNTT trên địa bàn tỉnh Bình Dương sẽ ngày một hoàn thiện hơn, tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển viễn thông CNTT ở tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

4.2. Đề xuất giải pháp

4.2.1. Nâng cao nhận thức về vai trò của ứng dụng viễn thông công nghệ thông tin

- Cần tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, Ban, ngành, đoàn thể nhân dân về vị trí, vai trò của việc ứng dụng viễn thông CNTT. Đặc biệt cần tuyên truyền trong các tầng lớp nhân dân về lợi ích của Tin học hóa trong giải quyết thủ tục hành chính. Cần giúp người dân tạo được thói quen khi cần tìm hiểu hoặc thực hiện giao dịch với chính quyền tỉnh nên ưu tiên thực hiện trên môi trường mạng của Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh. Việc tuyên truyền phải thường xuyên và linh hoạt, thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản về viễn thông CNTT trên Internet và các phương tiện thông tin đại chúng.”

- Cần gắn chặt ứng dụng viễn thông CNTT với cải cách hành chính. Nâng cao nhận thức về vai trò của ứng dụng viễn thông CNTT với việc nâng cao năng lực quản lý điều hành. Đặc biệt gắn cải cách hành chính với việc phát triển ứng dụng viễn thông CNTT, coi viễn thông CNTT là công cụ bắt buộc và là động lực cho cải cách hành chính. Nhận thức phải được lãnh đạo các cấp quán triệt, người lãnh đạo cao nhất ở các đơn vị phải nhận thức rõ vai trò tác động của ứng dụng viễn thông CNTT tới hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

- Tuyên truyền rộng rãi và tích cực hơn nữa về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận thức được vai trò của ứng dụng CNTT trong đổi mới quản lý, điều hành, cũng như quảng bá

thương hiệu, sản phẩm và xúc tiến thương mại. Trong lĩnh vực Giáo dục tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền cho giáo viên thấy rõ hiệu quả và yêu cầu mang tính tất yếu của ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua nhiều hình thức như: triển khai các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành về ứng dụng CNTT trong dạy học; thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn tổ khối, hội thảo chuyên đề...

4.2.2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển viễn thông công nghệ thông tin

- Tập trung nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Trung ương, học tập kinh nghiệm của các tỉnh bạn về ứng dụng viễn thông CNTT vào quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó cần thể chế hoá các quan điểm, giải pháp, chính sách của Trung ương bằng các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh cho phù hợp với thực tiễn địa phương. Đồng thời các cơ chế, chính sách cần cụ thể tránh tình trạng chung chung. Đối với các quy chế, quy định các hoạt động ứng dụng trong cơ quan nhà nước phải xác định rõ trách nhiệm của Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc quản lý và chỉ đạo triển khai các ứng dụng CNTT của đơn vị mình. Gắn việc triển khai thực hiện việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan đơn vị với công tác thi đua khen thưởng hàng năm.

- Cụ thể hoá và thể chế hoá chính sách đầu tư ứng dụng và phát triển viễn thông CNTT và khuyến khích ứng dụng CNTT trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Thực hiện chính sách ưu đãi về đầu tư đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp ứng dụng CNTT để đổi mới quản lý, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh.

- Xây dựng các chính sách về đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực viễn thông CNTT nhằm đẩy nhanh việc đào tạo, huấn luyện và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực CNTT. Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo CIO và lãnh đạo doanh nghiệp về CNTT cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp. Ban hành các chính sách đãi ngộ của tỉnh nhằm phát huy cao nhất khả năng đóng góp của đội ngũ cán bộ CNTT có trình độ chuyên môn ở địa phương; có cơ chế nhằm thu hút nguồn nhân lực viễn thông CNTT ở các địa phương khác về công tác tại các cơ quan nhà nước của tỉnh.

4.2.3. Hoàn thiện xây dựng, tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ứng dụng và phát triển viễn thông công nghệ thông tin

- Tiến hành hoàn thiện các chương trình, kế hoạch, đề án ứng dụng viễn thông CNTT. Theo đó, chương trình, kế hoạch, đề án cần bám sát tình hình thực tế của địa phương, nêu lên được quan điểm, định hướng, giải pháp, kế hoạch thực hiện cụ thể, các phương án kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về ứng dụng viễn thông CNTT, các công cụ, quy chế quản lý việc ứng dụng viễn thông CNTT, bố trí nguồn lực và huy động đầu tư của xã hội...cho đầy

mạnh ứng dụng và phát triển viễn thông CNTT.”

- Các cơ quan, đơn vị khi triển khai các dự án ứng dụng viễn thông CNTT của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh (theo ngành dọc) phải phù hợp với quy hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh. Đồng thời phải có ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo tính đồng bộ, liên thông giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, tránh sự trùng lặp, gây lãng phí. Đối với các ứng dụng triển khai cho nhiều đơn vị, nên triển khai thí điểm đánh giá rút kinh nghiệm trước khi quyết định triển khai đại trà; tùy tình hình thực tế về hạ tầng kỹ thuật, nhân sự đảm trách, khả năng và nhu cầu của người sử dụng để có lộ trình thích hợp, đảm bảo phát huy hiệu quả.”

- Cần có giải pháp rõ ràng, cụ thể trong việc tạo lập và huy động các nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng và phát triển viễn thông CNTT. Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau: các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn FDI, hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các Doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua xã hội hoá, ... để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển viễn thông CNTT trong đó tập trung đầu tư cho các dự án trọng tâm, trọng điểm có tính đột phá, tạo nền móng cho phát triển và ứng dụng CNTT.

4.2.4. Hoàn thiện quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng viễn thông công nghệ thông tin

- Ban hành quy chế nội bộ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng.

- Nhiệm vụ đảm bảo bí mật, an toàn, an ninh mạng phải thực hiện hài hòa, phù hợp với cơ chế, quy định về thuê dịch vụ viễn thông CNTT trong cơ quan nhà nước. Một trong những ưu tiên quan trọng là ưu tiên sử dụng các sản phẩm CNTT sản xuất trong nước, có

thương hiệu Việt Nam trong các hạ tầng hệ thống thông tin. Hơn nữa, các sản phẩm viễn thông CNTT do trong nước tự nghiên cứu, phát triển, thiết kế, chế tạo sẽ đảm bảo tin cậy, đảm bảo khả năng an toàn, an ninh của thiết bị.

- Các hệ thống thông tin kết nối vào mạng Internet đều phải được cảnh báo về nguy cơ tấn công mạng và cần được kiểm tra, đánh giá thường xuyên về mức độ bảo đảm an toàn thông tin. Duy trì mối quan hệ hợp tác, phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan quản lý các cấp, với doanh nghiệp cung cấp giải pháp, công nghệ, dịch vụ trong lĩnh vực an toàn thông tin.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, 2000.
- [2] Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương, *Chương trình số 74-CTr/TU ngày 12/10/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*, 2016.
- [3] Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương, *Quyết định số 1640-QĐ/TU ngày 24/5/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ mạng thông tin điện rộng*, 2016.
- [4] Sở Thông tin và truyền thông Bình Dương, *Báo cáo số 326/BC-STTTT tổng kết thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020*, 2021.
- [5] L. M. Toàn, “*Quản lý nhà nước về Bưu*

chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin”. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 2010.

- [6] Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, *Chỉ thị 03/2016/CT-UBND ngày 13/5/2016 về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh*, 2016.
- [7] Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, *Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh*, 2016.
- [8] Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, *Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 về việc quy định về quản lý sử dụng hệ thống thư điện tử trong các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh*, 2019.

Ngày nhận bài: 07/7/2022

Ngày hoàn thành sửa bài: 20/8/2022

Ngày chấp nhận đăng: 25/8/2022